TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ - ST
Ngày 10 tháng 5 năm 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chung

2 Ông Đặng Văn Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Hải Yến – Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên toà: Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2017/TLST - HNGĐ ngày 17/10/2017 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Bùi Văn S, sinh năm 1971,(Có mặt)

2.Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1972,(Có mặt)

Đều trú tại: Thôn Bàn M, xã Phú T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 15/9/2017 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Bùi Văn S trình bày:

Anh kết hôn với chị Lê Thị H ngày 08/12/1993, trước khi cưới có tìm hiểu và ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị về làm dâu ngay và ở chung cùng gia đình chồng được khoảng 01 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường nên đã sinh được 02 con chung. Đến năm 2011 anh và chị H vào Nam làm ăn, Trong thời gian làm ăn ở trong Nam chị H có quan hệ bất chính với anh T (là anh em kết nghĩa với anh) quê ở Bến T. Anh bắt gặp hai người quan hệ tình cảm với nhau, anh khuyên bảo chị nhưng chị không nghe mà còn đuổi anh về Quê, nên

năm 2011 anh về quê ở xã Phú T làm ăn còn chị vẫn ở trong Nam làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn chị H.

Bị đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị thừa nhận thời gian kết hôn và quá trình chung sống như anh S trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng ở trong Nam anh S có đánh chị dẫn đến mâu thuẫn và chị không ngoại tình như anh S khai. Vợ chồng sống ly thân từ 2015 đến nay chứ không phải sống ly thân từ năm 2011 đến nay như anh Sứng trình bày. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh S xin ly hôn chị không nhất trí vì chị sợ con chị khổ, chị đề nghị cứ để nguyên vợ chồng sống ly thân như hiện nay.

Về con chung anh S chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Bùi Văn S sinh ngày 23/10/1994 và Bùi Văn Tiến D sinh ngày 19/01/2001. Hiện tại hai cháu đang ở với anh S, chị H. Cháu S không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, được Nhà nước trợ cấp hàng tháng. Ly hôn anh S chị H thỏa thuận để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và cháu D, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh S chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Anh S xin miễn án phí ly hôn sơ thẩm vì anh là hộ nghèo.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, Người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện V không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Bùi Văn S được ly hôn chị Lê Thị H. Về con chung giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn Tiến D sinh ngày 19/01/2001, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức anh S, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết. Về án phí, anh S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng dân sự*: Anh Bùi Văn S có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết việc hôn nhân của anh và chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Về hôn nhân: Anh Bùi Văn S kết hôn với chị Lê Thị H trên cơ sở tự nguyện, trước khi cưới có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do mâu thuẫn cãi nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm, hiện tại cả anh và chị đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh chị ly hôn để các bên có điều kiện ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Anh S chị H thỏa thuận để chị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Văn S sinh ngày 23/10/1994 và Bùi Văn Tiến D sinh ngày 19/01/2001, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu S hiện đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi sống mình và thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận thỏa thuận này của anh chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh S, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Anh Bùi Văn S thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: - Cho anh Bùi Văn S được ly hôn chị Lê Thị H

- Về con chung giao cho chị Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn S sinh ngày 23/10/1994 đến khi cháu S có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình và cháu Bùi Văn Tiến D sinh ngày 19/01/2001 đến khi cháu D thành niên. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh Bùi Văn S và chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Bùi Văn S không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Bùi Văn S 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số AA/2016/0003853 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện V;
- Chi cụcTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã P
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bình Thuận

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chung **Đặng Văn linh** **Nguyễn Bình Thuận**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cụcTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Thịnh
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ……giờ……phút ngày 22 tháng 9 năm 2017.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Thông

Bà Bùi Thị Thu Hiền

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 108/2017/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Diễm, sinh năm 1973

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Thi, sinh năm 1967

Địa chỉ cư trú: Đều ở thôn Trại Trì, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Minh Du; Địa chỉ cư trú: Số 4 đường Trần Phú, tổ dân phố Xuân Thượng I, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

3. *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Khánh - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên AGRIBANK.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Dũng - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

Người được ủy quyền lại: Ông Dương Văn Phiến, sinh năm 1984 – Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Địa chỉ: Khu 02 thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

- Uỷ ban nhân dân xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phùng Xuân - Chức vụ: Quyền Chủ tịch UBND xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc

- Cụ Nguyễn Thị Canh, sinh năm 1937; Anh Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1980; Cháu Nguyễn Thị Lan Anh, sinh năm 199; Cháu Nguyễn Chí Thành, sinh năm 2001.

Người đại diện hợp pháp của cháu Thành: Chị Nguyễn Thị Diễm (mẹ cháu Thành); Địa chỉ cư trú: Đều ở thôn Trại Trì, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

- Anh Nguyễn Văn Kiên, sinh năm 1976; Chị Nguyễn Thị Hương Lan, sinh năm 1979; Ông Hà Thế Cử, sinh năm 1954; Địa chỉ cư trú: Đều ở thôn Liễu, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

4. *Người làm chứng*:

- Anh Nguyễn Văn Trịnh, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Thôn Khách Nhi Ngược, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

- Anh Nguyễn Văn Quảng, sinh năm 1976 (em trai anh Thi)

HKTT: Thôn Trại Trì, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc nay không có mặt ở địa phương.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng các Điều 43, 51, 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Biểu quyết 3/3.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diễm và anh Nguyễn Văn Thi. Biểu quyết 3/3.

Xử: Về con chung giao cho chị Nguyễn Thị Diễm tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Chí Thành, sinh ngày 24/4/2001 đến khi trưởng thành hoặc khi anh Nguyễn Văn Thi có yêu cầu khác. Biểu quyết 3/3.

Chị Diễm không yêu cầu anh Thi phải cấp dưỡng nuôi con chung. Biểu quyết 3/3.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung. Biểu quyết 3/3.

Về tài sản: Giao cho anh Nguyễn Văn Thi quản lý, sử dụng 385m^2 đất ở, thửa đất số 271, tờ bản đồ số 38 tại thôn Trại Trì, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc và sở hữu 03 gian nhà mái bằng; 01 gian buồng (xây năm 1994); 01 gian bếp; 01 gian công trình phụ; 04 gian chuồng chăn nuôi lợp Ploxi măng; 01 bể nước 6,5m^3; khoảng 57m^2 sân gạch; 17,5m tường hoa; 04 bức

tường bao loan dài 78,9m, cao 02m; 132 cây xưa lớn nhỏ; 09 cây cau; 01 cây ổi; 01 cây bưởi; 02 cây sà cừ; 02 trụ cổng + cánh cổng bằng sắt và khoảng 19,04m^2 bê tông lối cổng vào nhà, số tiền bán bò là 40.386.044đ, tổng cộng là 132.301.044đ (một trăm ba mươi hai triệu ba trăm linh một ngàn không trăm bốn bốn đồng). Nhưng buộc anh Nguyễn Văn Thi phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị Diễm 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng). Biểu quyết 3/3.

Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn Thi, chị Nguyễn Thị Diễm anh Thi được quản lý sử dụng 08 sào đất nông nghiệp thầu của ông Hà Thế Cử, anh Nguyễn Văn Kiên, chị Nguyễn Thị Hương Lan cùng toàn bộ hoa màu trên đất ở sứ đồng Gò Trong thuộc thôn Liễu xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường. (Anh Thi sử dụng diện tích đất trên đến hết năm 2023), anh Thi thanh toán cho chị Nguyễn Thị Diễm 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Biểu quyết 3/3.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật. Biểu quyết 3/3.

Về công nợ: Giao cho anh Nguyễn Văn Thi chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Vĩnh Tường tổng cộng cả gốc và lãi là 96.265.278đ (chín sáu triệu hai trăm sáu năm ngàn hai trăm bảy tám đồng) tính lãi đến ngày 21/9/2017 và trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 41/HĐTD ngày 04 tháng 4 năm 2016. Biểu quyết 3/3.

Về tài sản riêng và đất canh tác: Chị Diễm, anh Thi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Biểu quyết 3/3.

Về công sức: Chị Diễm không yêu cầu Tòa án giải quyết. Biểu quyết 3/3.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Diễm phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004349 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, chị Liễu đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Biểu quyết 3/3.

Chị Nguyễn Thị Diễm phải chịu 2.750.000đ án phí giá ngạch chia tài sản, được trừ 6.150.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0004349 ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị Nguyễn Thị Diễm được hoàn lại số tiền 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Anh Nguyễn Văn Thi không phải chịu án phí giá ngạch chia tài sản. Biểu quyết 3/3.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Biểu quyết 3/3.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự". Biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....ngày 22 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thịnh;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Bình